

【石川県】主な野菜の作付面積と収穫量

	作付面積(ha)	収穫量(t)	出荷量(t)	対前年比		
				作付面積(%)	収穫量(%)	出荷量(%)
キャベツ	61	1,660	1,330	nc	nc	nc
春キャベツ	18	583	450	nc	nc	nc
夏秋キャベツ	8	202	176	nc	nc	nc
冬キャベツ	35	875	706	nc	nc	nc
きゅうり	50	1,760	1,390	91	99	97
冬春きゅうり	10	989	900	nc	nc	nc
夏秋きゅうり	40	768	487	83	81	88
さといも	27	214	87	nc	nc	nc
秋冬さといも	27	214	87	nc	nc	nc
その他さといも	-	-	-	nc	nc	nc
だいこん	190	7,460	6,070	89	87	90
春だいこん	8	333	267	nc	nc	nc
夏だいこん	1	28	26	nc	nc	nc
秋冬だいこん	181	7,100	5,780	88	86	91
たまねぎ	40	972	621	nc	nc	nc
トマト	94	3,080	2,510	96	94	95
ミニトマト	14	237	191	93	88	87
加工用トマト	1	11	11	100	58	58
冬春トマト	20	1,180	1,070	100	110	110
冬春ミニトマト	2	43	40	100	98	98
夏秋トマト	74	1,900	1,440	95	86	86
夏秋ミニトマト	12	194	151	92	86	85
夏秋加工用トマト	1	11	11	100	58	58
なす	38	684	254	nc	nc	nc
冬春なす	1	11	11	nc	nc	nc
夏秋なす	37	673	243	nc	nc	nc
にんじん	34	425	361	92	76	76
春夏にんじん	2	31	27	nc	nc	nc
秋にんじん	0	4	4	nc	nc	nc
冬にんじん	32	390	330	91	81	80
ねぎ	87	862	648	93	92	93
春ねぎ	3	51	43	nc	nc	nc
夏ねぎ	24	169	142	100	92	93
秋冬ねぎ	60	642	463	90	88	90
はくさい	39	799	444	nc	nc	nc
春はくさい	1	24	19	nc	nc	nc
夏はくさい	0	4	4	nc	nc	nc
秋冬はくさい	38	771	421	nc	nc	nc
ばれいしょ	194	2,420	381	nc	nc	nc
春ばれいしょ	193	2,410	377	nc	nc	nc
秋ばれいしょ	1	11	4	nc	nc	nc
ピーマン(しとう舎)	10	103	64	nc	nc	nc
冬春ピーマン	1	12	11	nc	nc	nc
夏秋ピーマン	9	91	53	nc	nc	nc
ほうれんそう	54	344	282	nc	nc	nc
レタス(サラダ菜舎)	20	681	627	nc	nc	nc
サラダ菜	0	0	0	nc	nc	nc
春レタス(サラダ菜舎)	4	125	114	nc	nc	nc
春サラダ菜	0	0	0	nc	nc	nc
夏秋レタス(サラダ菜舎)	8	282	258	nc	nc	nc
夏秋サラダ菜	0	0	0	nc	nc	nc
冬レタス(サラダ菜舎)	8	274	255	nc	nc	nc
冬サラダ菜	0	0	0	nc	nc	nc

	作付面積(ha)	収穫量(t)	出荷量(t)	対前年比				
				作付面積(%)	収穫量(%)	出荷量(%)		
特	アスパラガス	3	17	13	nc	nc	nc	
	いちご	8	61	25	nc	nc	nc	
	えだまめ	13	83	39	nc	nc	nc	
	かぶ	39	948	782	nc	nc	nc	
	かぼちゃ	209	1,940	1,690	104	97	99	
	カリフラワー	2	21	17	nc	nc	nc	
	かんしょ	…	…		nc	nc		
	グリーンピース	1	4	1	nc	nc	nc	
	ごぼう	11	83	19	nc	nc	nc	
	こまつな	101	1,340	1,190	100	114	112	
	さやいんげん	19	95	28	nc	nc	nc	
	さやえんどう	8	43	19	nc	nc	nc	
	ししとう	1	9	9	nc	nc	nc	
	冬春ししとう	0	2	2	nc	nc	nc	
	夏秋ししとう	1	7	7	nc	nc	nc	
	しゅんぎく	3	30	21	nc	nc	nc	
	しょうが	0	1	1	nc	nc	nc	
	スイートコーン	18	112	50	nc	nc	nc	
	野	ずいか	260	12,900	11,700	93	102	104
		セルリー	0	0	0	nc	nc	nc
そらまめ		2	11	2	nc	nc	nc	
菜		ちんげんさい	13	196	171	nc	nc	nc
		にら	0	1	1	nc	nc	nc
		にんにく	2	9	3	nc	nc	nc
		ふき	5	53	42	nc	nc	nc
		ブロッコリー	290	1,670	1,540	99	94	94
		みずな	7	89	74	nc	nc	nc
		みつば	0	0	0	nc	nc	nc
	メロン	20	304	238	91	106	118	
温室メロン	7	194	180	117	127	125		
やまのいも	35	345	282	nc	nc	nc		
ながいも	4	64	50	nc	nc	nc		
れんこん	95	1,190	1,090	nc	nc	nc		

資料：農林水産省「令和4年産野菜生産出荷統計」及び「令和4年産作物統計」

注：表中に用いた記号「0」：単位に満たないもの(例：0.4ha→0ha)、「-」：事実のないもの、「…」：事実不詳又は調査を欠くもの、「nc」：計算不能